

Số: 02/2020/QĐST-HNGĐ

Văn Bàn, ngày 20 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 03/2020/HNGĐ-DSST ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh L;

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 02 năm. Đến khoảng tháng 6/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và tính cách. Mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay, anh T chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị M có 01 con chung cháu tên là Nguyễn Khánh V, sinh ngày 28/10/2017. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận chị M sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Khánh V định kỳ hàng tháng số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản: anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị M thỏa thuận mỗi người chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 28/10/2017 cho cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Khánh V định kỳ hàng tháng số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Khánh V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai số 0007179 và số 0007180 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- Sở Tư pháp LC (1);
- VKSND (2);
- CCTHADS huyện (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã L(1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

THẨM PHÁN

Triệu Vĩnh Thái

